

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 01/6/2011, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch
	Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên
	Bà Trần Thị Minh	Ủy viên
	Ông Trần Đức Y	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng Giám đốc
	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Hoàng Chí Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 396/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0580-2018-137-1

N. 010
TỔNG
C
XÃ
CÔNG
VI
SA ĐÌNH

12
Y
14
ÁI
NA
21

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		596.155.625.535	451.581.421.184
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.389.636.340	5.909.849.057
1. Tiền	111		15.389.636.340	5.909.849.057
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	113.798.000.000	93.984.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		113.798.000.000	93.984.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		436.628.089.178	310.921.515.454
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	205.463.624.292	212.317.759.103
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	30.321.070.601	39.738.350.102
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	25.193.795.941	29.439.620.024
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	209.935.821.198	63.712.009.079
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(34.286.222.854)	(34.286.222.854)
IV. Hàng tồn kho	140		28.287.442.302	38.472.673.895
1. Hàng tồn kho	141	5.8	28.287.442.302	38.472.673.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.052.457.715	2.293.382.778
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	510.439.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.052.457.715	1.782.943.073
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		432.564.695.396	480.835.370.219
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.963.357.208	16.963.357.208
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	5.5	16.963.357.208	16.963.357.208
II. Tài sản cố định	220		12.070.059.195	14.736.012.795
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	12.070.059.195	14.673.597.807
- Nguyên giá	222		30.697.297.497	30.697.297.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.627.238.302)	(16.023.699.690)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	62.414.988
- Nguyên giá	228		730.720.000	730.720.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(730.720.000)	(668.305.012)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	-	108.219.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	108.219.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	383.150.884.047	428.583.297.225
1. Đầu tư vào công ty con	251		473.305.672.855	461.522.690.757
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(173.301.424.635)	(116.086.029.359)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.380.394.946	20.444.483.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	20.380.394.946	20.444.483.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.028.720.320.931	932.416.791.403

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		323.880.050.743	214.069.859.379
I. Nợ ngắn hạn	310		323.825.050.743	214.014.859.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	201.410.821.634	123.483.743.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	32.010.616.644	6.994.228.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	634.913.594	-
4. Phải trả người lao động	314		7.306.334.920	5.742.896.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	22.809.987.502	28.133.024.186
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		15.084.389.791	6.941.788.749
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	32.608.326.240	33.591.933.614
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	3.724.689.511	3.738.273.147
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.234.970.907	5.388.970.907
II. Nợ dài hạn	330		55.000.000	55.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	55.000.000	55.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		704.840.270.188	718.346.932.024
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	704.840.270.188	718.346.932.024
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi				
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		154.840.270.188	168.346.932.024
- LNST chưa phân phối	421a		138.146.495.227	145.540.101.746
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.693.774.961	22.806.830.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.028.720.320.931	932.416.791.403

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Việt Duân

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiển

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	376.120.728.942	544.337.518.927
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		376.120.728.942	544.337.518.927
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	363.441.789.126	521.674.978.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.678.939.816	22.662.540.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	72.947.633.571	53.316.043.798
7. Chi phí tài chính	22	5.24	57.431.370.978	30.138.817.302
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		215.975.702	138.817.302
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.25	31.129.212.434	26.263.175.423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(2.934.010.025)	19.576.591.733
11. Thu nhập khác	31		22.315.581.609	3.418.803.155
12. Chi phí khác	32		2.687.796.623	188.564.610
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	19.627.784.986	3.230.238.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.693.774.961	22.806.830.278
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.693.774.961	22.806.830.278

Người lập



Nguyễn Việt Duân

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiền

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.693.774.961	22.806.830.278
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.665.953.600	2.133.210.282
- Các khoản dự phòng	03		57.228.978.912	20.050.096.675
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(521.758)	(362.395)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(72.947.111.813)	(53.118.235.274)
- Chi phí lãi vay	06		215.975.702	138.817.302
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.857.049.604	(7.989.643.132)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(125.465.648.661)	(35.358.242.500)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.185.231.593	20.229.134.085
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		107.495.725.531	(89.036.574.836)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.089.045	(157.726.660)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(215.975.702)	(138.817.302)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(839.000.000)	(3.564.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.918.528.590)	(116.015.870.345)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.246.490.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		547.664.400	101.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.814.000.000)	(93.984.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.782.982.098)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.947.111.813	53.016.780.729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.897.794.115	(42.112.255.635)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		67.055.546.200	32.440.805.532
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(67.055.546.200)	(32.440.805.532)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		9.479.265.525	(158.128.125.980)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.909.849.057	164.037.612.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		521.758	362.395
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	15.389.636.340	5.909.849.057

Người lập



Nguyễn Việt Duân

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiện

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 01/6/2011, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2011 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn Nhà nước	45.512.500	455.125.000.000	82,75%
Các cổ đông khác	9.487.500	94.875.000.000	17,25%
Tổng	55.000.000	550.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Số lao động bình quân trong năm 2017: 115 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp./.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2017, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty gồm:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
2	Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
3	Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 - Lý Tự Trọng - Phường Bến Nghé - Quận 1- Tp HCM
4	Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st.206+211, Sangkat vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia
5	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
6	Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01, Tòa nhà số 33, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yangon, Myanmar

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Công ty con như sau:

TT	Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Tổ 5, Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương - Bắc Giang	100%	100%
5	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Km11, Quốc lộ 32, Từ Liêm, Hà Nội	52%	52%
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Km 5 Khu Lâm Sản, phường Sờ Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	71%	71%
7	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	356 A đường Hà Nội, phường Phước Long A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%
8	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Số 156 Xã Đàn 2- Nam Đồng- Đống Đa- Hà Nội	51%	51%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	52%	52%
10	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51%	51%
11	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	51%	51%
12	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	100%	100%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

TT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27%	27%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, thành phố Hà Nội	36%	36%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn - Đồng Hỷ - Thái Nguyên	25%	25%
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	28%	28%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Tháp Phan, Đồng Lạc, Hải Dương	20%	20%
6	Công ty CP Thi công Cơ giới Vinaincon	Số 5 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	28%	28%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Số 5 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	21%	21%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	23%	23%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009; Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư Số 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý trang web, phần mềm mạng LAN, Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm văn phòng điện tử BKAV.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

	Năm 2017 (số năm)
Phần mềm kế toán	02
Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho	02
Phần mềm quản lý trang Web	03
Phần mềm mạng LAN	03
Phần mềm văn phòng điện tử BKAV	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hoá Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hỗ trợ tiền thuê và di dời văn phòng cho Công Ty TNHH MTV Xây lắp hoá chất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 3 năm tài chính vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Tổng Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong năm.
- Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính bằng 5% giá trị công trình còn hạn bảo hành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty từ hoạt động xây lắp và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu từ hoạt động xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được nhận quyền lợi từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông/Quyết định chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Thu nhập khác của Tổng Công ty là tiền thu từ bán thanh lý công cụ, dụng cụ và cho thuê ô tô, được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng bán thanh lý và các chứng từ kế toán có liên quan.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và kết chuyển dựa trên tỷ lệ giao khoán của từng công trình đã quy định tại Hợp đồng giao khoán và phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng bộ phận kinh doanh xây lắp là chủ yếu nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.579.755.334	2.798.044.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.809.881.006	3.111.804.952
Tổng	15.389.636.340	5.909.849.057

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Tây Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	58.798.000.000	58.798.000.000	39.984.000.000	39.984.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quang Minh	25.000.000.000	25.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	113.798.000.000	113.798.000.000	93.984.000.000	93.984.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	205.463.624.292	212.317.759.103
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	16.286.027.374	64.748.952.165
Công ty Mitsui Engineering- Shipbuiding Co., Ltd	20.109.833.322	48.548.174.747
Tổ hợp nhà thầu JGCS - Lọc dầu Nghi Sơn	-	25.308.260.079
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200
Ban quản lý dự án tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	143.289.315	12.031.591.429
Ban QLDA N/m Alumina Nhân Cơ	5.384.208.299	9.384.208.299
Công ty TNHH HT Truyền tải và PP Toshiba VN	76.694.412.954	-
Cty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	8.825.759.569	1.157.738.419
Công ty Truyền tải điện 3	25.813.683.581	-
Công ty cổ phần thủy điện Nho Quế 1	3.915.640.206	7.533.956.131
Công ty GS E&C (HCMC MRT Line1 CP2)	5.586.240.125	594.217.593
Các đối tượng khác	15.513.474.347	15.819.605.041
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	<i>362.971.270</i>	<i>362.971.270</i>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	362.971.270	362.971.270
Tổng	205.463.624.292	212.317.759.103

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.321.070.601	39.738.350.102
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	2.106.756.300	-
Công ty CP XD và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	2.239.492.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Các khoản trả trước cho người bán khác	18.839.524.598	30.374.251.308
<u><i>Trong đó trả trước là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 6.2)</i></u>	<u><i>14.213.016.808</i></u>	<u><i>18.020.829.215</i></u>
Tổng	30.321.070.601	39.738.350.102

5.5 Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn	25.193.795.941	29.439.620.024
Chi nhánh Myanmar- VINAINCON	1.148.149.725	-
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật	971.685.384	2.090.366.108
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	12.431.917.321	11.029.363.583
Chi nhánh Miền Nam	10.642.043.511	16.319.890.333
b) Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	16.963.357.208	16.963.357.208
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật	13.376.741.530	13.376.741.530
Chi nhánh Miền Nam	1.586.615.678	1.586.615.678
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	42.157.153.149	46.402.977.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	209.935.821.198	-	63.712.009.079	0
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	4.940.964.076	-	3.171.882.896	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất Hà Bắc	13.844.892.847	-	18.569.300.954	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	3.072.290.729	-	2.402.032.737	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Vinaincon	656.479.818	-	1.047.291.818	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (*)	160.359.908.498	-	23.301.425.252	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	-	-	4.947.833.700	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	20.648.242.173	-	674.877.373	-
Công ty Cổ phần Xây lắp & SX công nghiệp - CIPC	2.904.031.113	-	1.515.969.313	-
Phải thu khác	3.289.939.144	-	4.535.586.571	-
Tạm ứng	219.072.800	-	3.545.808.465	-
Tổng	209.935.821.198	-	63.712.009.079	-

(*): Số phải thu của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn, do Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh và thực hiện chi trả lãi + gốc cho các khoản vay tại Ngân hàng BNP Paribas.

5.7 Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	34.286.222.854	-	34.286.222.854	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam				695.608.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4				785.418.811
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon				181.485.635
Công ty TNHH LAVIMONT Việt Nam				2.778.462.664
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - TISCO				27.191.055.200
Công ty Cổ phần Quảng Bích				580.119.862
Công ty CP công nghệ AMEC				1.983.613.753
Công ty CP Thiết bị Bưu điện				90.458.929
Tổng				34.286.222.854

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	151.268.000	-	423.528.460	-
Công cụ, dụng cụ	43.038.639	-	1.109.403.953	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.093.135.663	-	36.939.741.482	-
Tổng	28.287.442.302	-	38.472.673.895	-

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	20.491.522.733	287.852.000	9.526.452.883	391.469.881	30.697.297.497
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>20.491.522.733</u>	<u>287.852.000</u>	<u>9.526.452.883</u>	<u>391.469.881</u>	<u>30.697.297.497</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	9.037.807.154	287.852.000	6.338.070.652	359.969.884	16.023.699.690
Tăng trong năm	1.843.737.924	-	745.800.684	14.000.004	2.603.538.612
Khấu hao trong năm	1.843.737.924	-	745.800.684	14.000.004	2.603.538.612
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>10.881.545.078</u>	<u>287.852.000</u>	<u>7.083.871.336</u>	<u>373.969.888</u>	<u>18.627.238.302</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	11.453.715.579	-	3.188.382.231	31.499.997	14.673.597.807
Tại 31/12/2017	<u>9.609.977.655</u>	<u>-</u>	<u>2.442.581.547</u>	<u>17.499.993</u>	<u>12.070.059.195</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với giá trị: 7.666.337.788 đồng (tại ngày 01/01/2017 là: 7.541.507.788 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.10 Tài sản vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	730.720.000	730.720.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	730.720.000	730.720.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	668.305.012	668.305.012
Tăng trong năm	62.414.988	62.414.988
Khấu hao trong năm	62.414.988	62.414.988
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	730.720.000	730.720.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	62.414.988	62.414.988
Tại 31/12/2017	-	-

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	108.219.000	108.219.000
Công trình khu công nghiệp Cầu Diễn	-	-	108.219.000	108.219.000
Tổng	-	-	108.219.000	108.219.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 -DN

5.12 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2017		01/01/2017			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đối tượng đầu tư								
Đầu tư vào Công ty con			473.305.672.855	(167.205.899.296)	461.522.690.757	(111.330.577.082)		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	100%	100%	70.000.000.000	-	66.007.238.838	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	100%	100%	90.000.000.000	-	82.209.779.064	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	100%	100%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	100%	100%	200.000.000.000	(150.000.000.000)	200.000.000.000	(95.000.000.000)	(95.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	52,15%	52,15%	24.386.208.045	-	24.386.208.045	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	71,42%	71,42%	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(4.024.058.696)	(4.024.058.696)	-
Công ty Cổ phần Bé tông ly tâm Thủ Đức	51,00%	51,00%	38.035.530.934	-	38.035.530.934	-	-	-
Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	51,00%	51,00%	2.792.888.482	-	2.792.888.482	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	51,63%	51,63%	12.201.283.784	-	12.201.283.784	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	51,00%	51,00%	4.547.145.641	(1.157.527.444)	4.547.145.641	(893.674.792)	(893.674.792)	-
Công ty CP Bé tông ly tâm An Giang	50,69%	50,69%	15.278.557.273	-	15.278.557.273	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	51,00%	51,00%	2.040.000.000	(2.024.313.156)	2.040.000.000	(1.412.843.594)	(1.412.843.594)	-
Đầu tư vào Công ty liên kết			54.263.592.152	(3.164.164.763)	54.263.592.152	(1.793.052.635)		
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	27%	27%	6.634.922.757	-	6.634.922.757	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	36%	36%	14.300.768.318	-	14.300.768.318	-	-	-
Công ty CP Khai thác đá voi Quang Sơn	25%	25%	2.730.001.416	-	2.730.001.416	-	-	-
Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	28%	28%	742.806.389	(481.349.227)	742.806.389	(481.349.227)	(481.349.227)	-
Công ty CP Bé tông ly tâm Vinaincon	20%	20%	8.010.131.008	(2.682.815.536)	8.010.131.008	(1.311.703.408)	(1.311.703.408)	-
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	28%	28%	2.428.000.000	-	2.428.000.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	21%	21%	6.208.620.000	-	6.208.620.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	23%	23%	13.208.342.264	-	13.208.342.264	-	-	-
Tổng			527.569.265.007	(170.370.064.059)	515.786.282.909	(113.123.629.717)		

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Đầu tư dài hạn khác (Tiếp theo)

	31/12/2017		01/01/2017				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư dài hạn khác							
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	779.612.900	-	-	-	779.612.900	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	4.123.185.470	-	-	-	4.123.185.470	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công nghiệp	10.032.000.000	-	-	-	10.032.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp Dân dụng	899.972.230	-	-	-	899.972.230	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	2.100.925.000	-	-	-	2.100.925.000	-	-
Công ty CP TMXây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.086.292.176	-	-	-	2.086.292.176	-	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả	8.861.055.899	(2.931.360.576)	-	-	8.861.055.899	(2.962.399.642)	-
Tổng	28.883.043.675	(2.931.360.576)	-	-	28.883.043.675	(2.962.399.642)	-

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.13 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn	20.380.394.946	20.444.483.991
Giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa	13.401.219.999	13.401.219.999
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	371.245.447	435.334.492
Chi phí khác chờ phân bổ	6.607.929.500	6.607.929.500
Tổng	20.380.394.946	20.444.483.991

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	201.410.821.634	201.410.821.634	123.483.743.723	123.483.743.723
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Điện Đông Anh	5.082.686.780	5.082.686.780	5.082.686.780	5.082.686.780
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty Cổ phần Xây lắp & SX Công nghiệp - CIPC	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty Cổ phần COMA18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Hải Anh	2.086.232.000	2.086.232.000	4.089.157.000	4.089.157.000
Công ty TNHH HT Truyền tải và PP Toshiba VN	26.459.089.960	26.459.089.960	-	-
Changzhou Toshiba Transformer Co., Ltd	69.312.780.000	69.312.780.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư, Phát triển và Chuyển giao Công nghệ	7.784.476.520	7.784.476.520	-	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	6.751.250.000	6.751.250.000	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp và Thiết bị Công nghiệp INDEX	4.589.114.988	4.589.114.988	-	-
Phải trả các đối tượng khác	63.464.222.238	63.464.222.238	98.430.930.795	98.430.930.795
<i><u>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết xem tại thuyết minh 6.2)</u></i>	<i>57.613.780.538</i>	<i>57.613.780.538</i>	<i>81.681.821.057</i>	<i>81.681.821.057</i>
Tổng	201.410.821.634	201.410.821.634	123.483.743.723	123.483.743.723

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.010.616.644	6.994.228.789
Công ty YURTEC Corporation thầu phụ Dự án NMNĐ Thái Bình	-	4.911.660.000
Công ty JURONG ENGINEERING Limited	-	1.008.076.314
Trường Cao đẳng Kinh tế KT Vinatex - TP. HCM	2.496.319.962	-
CN TĐ Dầu khí VN- Ban QLDA ĐL DK Sông Hậu I	29.120.500.000	-
Người mua trả tiền trước khác	393.796.682	1.074.492.475
Tổng	32.010.616.644	6.994.228.789

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	586.676.150	-	10.671.979.583	10.037.065.989	585.381.212	634.913.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	-	825.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	358.317.538	-	572.728.413	912.705.378	642.076.503	-
Các loại thuế khác	12.949.385	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	1.782.943.073	-	11.247.707.996	10.952.771.367	2.052.457.715	634.913.594

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	22.809.987.502	28.133.024.186
Trích trước chi phí công trình thủy điện Đồng Nai 5	4.205.738.353	4.263.358.281
Trích trước chi phí công trình TBA 35/110 Truong Bành - Quý Hợp	802.027.280	802.027.280
Trích trước chi phí công trình Nhiệt điện Nghi Sơn I	1.337.880.791	1.337.880.791
Trích trước chi phí công trình Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn	-	7.416.344.548
Trích trước chi phí lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu	1.424.499.088	2.096.184.517
Trích trước chi phí Dự án Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng	7.845.759.625	6.770.490.497
Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị TP HCM tuyến Bến Thành Suối Tiên (Metro Depot)	125.689.260	1.222.545.160
Dự án Nhiệt điện Thái Bình (JURONG)	2.292.600.000	-
Chi phí phải trả dài hạn khác	4.775.793.105	4.224.193.112
Tổng	22.809.987.502	28.133.024.186

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.18 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	32.608.326.240	33.591.933.614
- Kinh phí công đoàn;	534.869.914	506.570.926
- Bảo hiểm xã hội;	1.177.600	40.561.508
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	32.072.278.726	33.044.801.180
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa Chất</i>	<i>9.638.164.545</i>	<i>9.638.164.545</i>
<i>Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinaincon</i>	<i>1.406.346.146</i>	<i>1.334.346.146</i>
<i>Cục thuế Hà Nội</i>	<i>14.201.251.452</i>	<i>14.201.251.452</i>
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</i>	-	<i>1.837.930.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>5.395.566.106</i>	<i>4.647.284.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.430.950.477</i>	<i>1.385.825.037</i>
b) Dài hạn	55.000.000	55.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.000.000	55.000.000
Tổng	32.663.326.240	33.646.933.614

5.19 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự phòng bảo hành CT Thủy điện Đồng Nai 5	3.274.471.086	3.274.471.086
Dự phòng bảo hành CT Nhiệt điện Nghi Sơn 1	450.218.425	463.802.061
Tổng	3.724.689.511	3.738.273.147

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.20 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	550.000.000.000	144.176.532.020	694.176.532.020
Tăng trong năm	-	27.734.400.004	27.734.400.004
Thu lãi của Chi nhánh		4.208.341.594	4.208.341.594
Lợi nhuận sau thuế	-	22.806.830.278	22.806.830.278
Tăng khác	-	719.228.132	719.228.132
Giảm trong năm	-	3.564.000.000	3.564.000.000
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.564.000.000	3.564.000.000
Số dư tại 31/12/2016	550.000.000.000	168.346.932.024	718.346.932.024
Số dư tại 01/01/2017	550.000.000.000	168.346.932.024	718.346.932.024
Tăng trong năm	-	17.678.338.164	17.678.338.164
Lợi nhuận sau thuế	-	16.693.774.961	16.693.774.961
Thu lãi của Chi nhánh	-	984.563.203	984.563.203
Giảm trong năm	-	31.185.000.000	31.185.000.000
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.685.000.000	3.685.000.000
Chi cổ tức	-	27.500.000.000	27.500.000.000
Số dư tại 31/12/2017	550.000.000.000	154.840.270.188	704.840.270.188

b. **Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	455.125.000.000	455.125.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	94.875.000.000	94.875.000.000
Tổng	550.000.000.000	550.000.000.000

c. **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	550.000.000.000	550.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.185.000.000	3.564.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ tức

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	376.120.728.942	544.337.518.927
Tổng	376.120.728.942	544.337.518.927

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	363.441.789.126	521.674.978.267
Tổng	363.441.789.126	521.674.978.267

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	13.296.573.123	8.992.185.989
Cổ tức và lợi nhuận được chia	59.650.538.690	44.024.594.740
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	298.900.674
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	521.758	362.395
Tổng	72.947.633.571	53.316.043.798

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	215.975.702	138.817.302
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	57.246.434.343	30.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(31.039.067)	-
Tổng	57.431.370.978	30.138.817.302

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.157.377.764	19.644.277.896
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	279.107.477	3.482.196.482
Chi phí khấu hao	2.651.953.596	2.116.010.793
Thuế, phí, lệ phí	356.280.620	438.080.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.509.637.750	5.770.420.668
Chi phí khác bằng tiền	4.174.855.227	4.508.032.654
Hoàn nhập dự phòng	-	(9.695.843.335)
Tổng	31.129.212.434	26.263.175.423

5.26 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.622.086.368
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	547.664.400	157.054.545
Thu nhập từ cho thuê ô tô	-	497.727.273
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.190.727.277	977.977.271
Phải thu theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp	20.241.863.025	-
Chi nhánh tư vấn thiết kế		
Thu nhập khác	335.326.907	163.957.698
Tổng	22.315.581.609	3.418.803.155
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	1.339.664.324	162.654.238
Tiền phạt chậm nộp thuế	22.163.333	25.910.372
Phạt chậm tiến độ công trình Bauxit Tân Rai	522.496.421	-
Ghi nhận chi phí CT khu công nghiệp Cầu Diễn	108.219.000	-
Chi phí lãi vay của các công trình và chi phí khác	512.926.524	-
Chi phí khác	182.327.021	-
Tổng	2.687.796.623	188.564.610
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	19.627.784.986	3.230.238.545

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	16.693.774.961	22.806.830.278
Điều chỉnh tăng	1.348.132.299	246.019.655
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	59.650.538.690	44.024.594.740
Thu nhập chịu thuế công ty	(41.608.631.430)	(20.971.744.807)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

5.28 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.840.599.482	34.503.773.783
Chi phí nhân công	23.235.213.186	38.626.569.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.665.953.600	2.133.210.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.052.868.896	452.097.748.455
Chi phí khác bằng tiền	4.531.135.847	2.629.052.191
Tổng	201.325.771.011	529.990.353.766

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Điều chỉnh số liệu so sánh đầu kỳ

Sau khi phát hành Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng Công ty ký ngày 31 tháng 03 năm 2017, theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 28 tháng 04 năm 2017, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh số liệu so sánh đầu kỳ cụ thể như sau:

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2017 VND	Số dư tại 31/12/2016 VND	Chênh lệch VND
Dự phòng phải thu khó đòi	(34.286.222.854)	(34.104.737.219)	(181.485.635)
Giá trị hao mòn lũy kế	(16.023.699.690)	(15.328.593.586)	(695.106.104)
Cộng thay đổi Tài sản			(876.591.739)
Chi phí phải trả ngắn hạn	28.133.024.186	29.755.110.554	(1.622.086.368)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	168.346.932.024	167.601.437.395	745.494.629
Cộng thay đổi Nguồn vốn			(876.591.739)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2016 số liệu theo Báo cáo kiểm toán (sau điều chỉnh) VND	Năm 2016 số liệu theo Báo cáo kiểm toán VND	Chênh lệch VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.263.175.423	25.386.583.684	876.591.739
Thu nhập khác	3.418.803.155	1.796.716.787	1.622.086.368
Lợi nhuận sau thuế	22.806.830.278	22.061.335.649	745.494.629

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Năm 2016 số liệu theo Báo cáo kiểm toán (sau điều chỉnh) VND	Năm 2016 số liệu theo Báo cáo kiểm toán VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận trước thuế	22.806.830.278	22.061.335.649	745.494.629
- Khấu hao TSCĐ	2.133.210.282	1.438.104.178	695.106.104
- Các khoản dự phòng	20.050.096.675	19.868.611.040	181.485.635
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(7.989.643.132)	(9.611.729.500)	1.622.086.368
Tăng giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(89.036.574.836)	(87.414.488.468)	(1.622.086.368)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	2.367.276.000
Tổng	2.367.276.000

Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi nhánh TCT tại Miền Nam	Đơn vị phụ thuộc	27.731.360.898	1.831.089.237
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	Đơn vị phụ thuộc	95.908.553.660	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	-	7.934.644.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Công ty con	1.923.269.847	7.768.388.881
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	3.459.342.879	7.919.346.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con	-	88.000.000
Công ty CP TV Thiết kế và XD VINAINCON	Công ty liên kết	72.103.707.583	187.815.570.884
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	-	1.139.694.096
Giao dịch khác (cổ tức nhận được)	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	27.922.307.002	13.500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	17.410.363.388	10.500.000.000
Công ty CP XNK TM Hợp tác NL Quốc tế VN	Công ty con	204.000.000	255.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	1.635.595.500	6.542.382.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 5	Công ty con	2.065.500.000	2.478.600.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Công ty con	4.639.599.000	6.186.132.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết	450.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết	1.872.000.000	2.080.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	574.750.000	488.537.500
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	Công ty đầu tư	126.000.000	-
Công ty CP TV Thiết kế và XD VINAINCON	Công ty liên kết	931.293.000	-
Công ty CP TM Xây lắp CN Thăng Long	Công ty đầu tư	270.000.000	-
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất Công nghiệp	Công ty liên kết	1.422.055.800	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	-	971.200.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế CN và Dân dụng	Công ty đầu tư	127.075.000	-
Tổng		59.650.538.690	43.251.851.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Nội dung	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng		362.971.270	362.971.270
Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Công ty liên kết	362.971.270	362.971.270
Phải thu nội bộ ngắn hạn		25.193.795.941	29.439.620.024
Chi nhánh Myanmar- VINAINCON	Đơn vị trực thuộc	1.148.149.725	-
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc	971.685.384	2.090.366.108
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	Đơn vị trực thuộc	12.431.917.321	11.029.363.583
Chi nhánh Miền Nam	Đơn vị trực thuộc	10.642.043.511	16.319.890.333
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		16.963.357.208	16.963.357.208
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật	Đơn vị trực thuộc	13.376.741.530	13.376.741.530
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	Đơn vị trực thuộc	1.586.615.678	1.586.615.678
Chi nhánh Miền Nam	Đơn vị trực thuộc	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khác		209.188.858.621	59.289.152.928
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	-	288.014.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	-	315.681.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	-	4.947.833.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con	2.065.500.000	2.478.600.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoá chất Hà Bắc	Công ty con	3.072.290.729	2.402.032.737
Công ty CP Xây lắp & SX Công nghiệp	Công ty con	2.904.031.113	1.515.969.313
Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá chất	Công ty con	4.940.964.076	3.171.882.896
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất	Công ty con	13.844.892.847	18.569.300.954
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	160.359.908.498	23.301.425.252
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Công ty liên kết	20.648.242.173	674.877.373
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng - COMESS	Công ty liên kết	-	46.340.523
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	271.730.076	172.669.526
Công ty CP Đầu tư và SX Công nghiệp - VLiệu	Công ty liên kết	280.395.836	280.395.836
Công ty CP Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	656.479.818	1.047.291.818
Công ty CP Tư vấn Thiết kế CN và Dân dụng	Công ty đầu tư	-	5.614.000
Công ty CP ĐT và Khoáng sản VINAINCON	Công ty đầu tư	144.423.455	71.224.000
Trả trước cho người bán		14.213.016.808	18.020.829.215
Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá Chất - H36	Chi nhánh của Công ty con	422.124.666	422.124.666
Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá Chất - H76	Chi nhánh của Công ty con	592.695.000	592.695.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	4.712.579.331	8.520.391.738
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết	8.485.617.811	8.485.617.811

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Nội dung	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán		57.613.780.538	81.681.821.057
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	156.074.059	125.283.281
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty góp vốn	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Công ty con	3.297.296.787	3.897.296.787
Công ty CP Đầu tư & XD Công nghiệp	Công ty đầu tư	5.805.779	5.805.779
Chi nhánh Công ty TNHH MTV HC HB - H35	CN Công ty con	-	210.505.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	2.005.277.167	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	3.454.474.210	10.037.903.410
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con	118.673.522	318.673.522
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	1.306.487.170	1.881.257.170
Công ty CP TV Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	41.847.054.216	57.057.367.980
Công ty CP Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	41.452.480	41.452.480
Công ty Cổ phần Bê tông An Giang	Công ty con	-	2.725.090.500
Phải trả khác			
Công ty CP TV Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	219.875.806	219.875.806

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 phát hành ngày 31/03/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam có ý kiến chấp nhận từng phần và điều chỉnh theo kết quả Biên bản thanh tra Bộ tài chính ngày 28 tháng 4 năm 2017.

Người lập



Nguyễn Việt Duân

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiện

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường